TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 53/2025/QĐST-DS	*Gia Lai, ngày 23 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, SN: 1942
  Trú tại: Thôn K, xã P, tỉnh G L.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, SN: 1991
  Trú tại: Thôn K, xã P, tỉnh G L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Tống Xuân H, SN: 1980
  Trú tại: Thôn K, xã P, tỉnh G L

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng ông Tống Xuân H, bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền gốc vay còn nợ là 81.300.000 đồng *(Tám mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng)*.

Phương thức trả nợ cụ thể: Vợ chồng ông Tống Xuân H, bà Trần Thị T trả cho bà Nguyễn Thị N mỗi tháng là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*. Thời hạn trả: trả vào ngày 15 hằng tháng, bắt đầu kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/10/2025 cho đến khi hết số tiền nợ 81.300.000 đồng.

Kể từ ngày bên có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án chưa đầy đủ số tiền trên

thì bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông Tống Xuân H, bà Trần Thị T tự nguyện thỏa thuận chịu số tiền 2.032.500 đồng *(Hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân KV 3 – Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Minh

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực

thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).